TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HSPT
Ngày 10 tháng 8 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn
Ông Chu Tuấn Vương
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2023/HSPT ngày 11/7/2023, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K đối với bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HSST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo kháng cáo: Phạm Văn K, sinh ngày 09/12/1998 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị M; vợ Vũ Bích N (là bị cáo trong vụ án), có 01 con sinh ngày 28/7/2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

Bị cáo không kháng cáo: Vũ Bích N, sinh ngày 16/10/2003 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hoài N (đã chết) và bà Lê Thị H; chồng Phạm Văn K, có 01 con sinh ngày 28/7/2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Vắng mặt.

Trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 25/02/2023, bị cáo Phạm Văn K đi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, biển kiểm soát 17B6-586.26 chở vợ là Vũ Bích N đi khám thai. Đến phòng khám, thấy đông người nên bị cáo K chở bị cáo N sang máy rút tiền tự động (ATM) của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Diêm Điền để kiểm tra số tiền trong tài khoản thẻ ngân hàng. Khoảng 09 giờ 30 phút, bị cáo K và bị cáo N cùng đi vào bên trong khu vực đặt 02 máy rút tiền tự động, bị cáo N đưa thẻ ATM của bị cáo K vào máy bên trái để kiểm tra, bị cáo K đứng bên cạnh nhìn sang máy rút tiền tự động bên phải thấy ở mép khay cắm thẻ có 01 thẻ rút tiền ATM màu vàng, bị cáo K lấy chiếc thẻ này đưa vào máy rút tiền và nhập mật khẩu ngẫu nhiên, dãy số từ 1 đến 6 thì máy báo nhập mật khẩu thành công. Bị cáo K thực hiện lệnh rút tiền 1.000.000 đồng, sau đó bị cáo bấm nút in sao kê, bị cáo xem hóa đơn thì thấy còn số tiền 14.000.000 đồng trong tài khoản. Bị cáo N đứng bên cạnh, thấy bị cáo K rút được tiền nên không kiểm tra tài khoản trong thẻ của mình nữa mà đi sang chỗ bị cáo K đứng. Bị cáo K thực hiện 02 lệnh rút tiền tiếp theo, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng là 10.000.000 đồng. Sau đó, do thấy có người đứng chờ bên ngoài nên bị cáo K bảo bị cáo N đi sang phòng khám trước, rồi rút hết tiền trong thẻ sau. Bị cáo K đưa tiền và thẻ ATM cho bị cáo N cầm. Khi ra ngoài đường, bị cáo K lại nói với bị cáo N đi rút hết tiền trong tài khoản thẻ rồi đến phòng khám sau nên chở bị cáo N đến máy rút tiền tự động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Diêm Điền ở tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền. Bị cáo N cầm thẻ vào thực hiện 02 lệnh rút tiền, mỗi lần 2.000.000 đồng. Sau khi rút được tổng số tiền 15.000.000 đồng trong tài khoản thẻ mang tên Trần Văn C nói trên, bị cáo N để tiền trong túi xách, còn chiếc thẻ thì vứt bỏ trên đường. Chủ tài khoản thẻ Ngân hàng là anh Trần Văn C, anh C giao cho chị Lục Thanh T (là người làm công cho anh C) quản lý thẻ để rút tiền chi tiêu, mua đồ nấu cơm cho công nhân. Sáng ngày 25/02/2023, chị T cầm thẻ ATM đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Diêm Điền rút tiền để chi tiêu, sau đó để quên ở máy rút tiền tự động. Khi phát hiện bị mất thẻ và bị rút hết tiền trong tài khoản, chị T đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy. Căn cứ tài liệu xác minh, Cơ quan điều tra đã triệu tập bị cáo K và bị cáo N đến làm việc. Bị cáo K và bị cáo N đã giao nộp toàn bộ số tiền 15.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HSST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K và Vũ Bích N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17. 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Bích N 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án của người được hưởng án treo án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/6/2023, bị cáo Phạm Văn K kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo rút yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo trình bày: Do bị cáo nhìn thấy chiếc thẻ ATM của bị hại để quên nên đã tò mò, đưa thẻ vào và bấm dãy số ngẫu nhiên một lần duy nhất thì mở được thẻ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách bột phát. Bị cáo có nhân thân tốt, vợ bị cáo mới sinh con nên bị cáo là lao động chính trong gia đình, khi bị Cơ quan công an gọi lên làm việc bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo và bị cáo đã khai báo thành khẩn về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, nội dung kháng cáo của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo

Phạm Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo, bị cáo thấy rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình bị cáo đang khó khăn, vợ vừa sinh con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo đã đúng người, đúng tội nên bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn K thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo Vũ Bích N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ 30 ngày 25/02/2023, lợi dụng việc chị Lục Thanh T để quên thẻ rút tiền ATM ở máy rút tiền tự động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Diêm Điền, bị cáo Phạm Văn K đã nhập mật khẩu ngẫu nhiên, dãy số từ 1 đến 6 thì máy báo nhập mật khẩu thành công nên bị cáo Phạm Văn K, Vũ Bích N đã cùng nhau thực hiện các lệnh rút tiền và chiếm đoạt 15.000.000 đồng trong tài khoản thẻ của chị T quản lý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Văn K, Vũ Bích N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K thì thấy: Hành vi của bị cáo Phạm Văn K và bị cáo Vũ Bích N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người thành niên, nhận thức được tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của mình nhưng chỉ vì lòng tham, không làm chủ được bản thân mà phạm tội nên cần phải xử phạt các bị cáo một cách nghiêm khắc để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách bột phát, không có chủ đích từ trước mà xuất phát từ sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại nên đã tạo cơ hội cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị

cáo K chỉ bấm mật khẩu một lần với dãy số ngẫu nhiên từ 1 đến 6 đã mở được mật khẩu tài khoản nên bị cáo mới nảy sinh lòng tham và trộm cắp tài sản của bị hại. Do vậy, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng. Các bị cáo thực hiện hành vi rút tiền nhiều lần, nhưng liên tục về mặt thời gian và đối với cùng 01 thẻ ATM của chị Thủy nên không được coi là tình tiết phạm tội nhiều lần. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định 4 lần rút tiền của bị cáo K, bị cáo N đều cấu thành tội trộm cắp tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là không đúng pháp luật nên cần sửa án sơ thẩm về áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với các bị cáo. Mặt khác, sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại 15.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại để khắc phục thiệt hại cho bị hại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến việc đánh giá toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn K, bị cáo cáo Vũ Bích N nên cần phải xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo K, bị cáo N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo K là người có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối hận nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, cũng là thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K, sửa bản án sơ thẩm số 61/2023/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình về biện pháp chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn K và sửa về việc áp dụng pháp luật đối với bị cáo Phạm Văn K, Vũ Bích N.

1.1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K, Vũ Bích N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.2. Về hình phạt:

1.2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 10/8/2023. Giao bị cáo Phạm Văn K cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Bích N 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/6/2023. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 10 tháng 8 năm 2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA h. Thái Thụy;
- UBND xã An Tân;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà